

THỬ PHÂN TÍCH YẾU TỐ DÒNG HỌ TRONG CẤU TRÚC SƠ HỮU RUỘNG ĐẤT CỦA MỘT LÀNG THUỘC ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ ĐẦU THẾ KỶ XIX

VŨ HỒNG QUÂN

Tính chất bền vững của quan hệ dòng họ ở người Việt, trên nhiều phương diện đã được chứng tỏ qua hàng ngàn năm lịch sử. Điều này là xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó cái quan hệ kinh tế - mà ruộng đất là máu chót - vừa như một biểu hiện, vừa đến lượt mình có những tác động không nhỏ góp phần duy trì mối quan hệ đó. Bài viết này, bằng việc áp dụng các phương pháp phân tích thống kê định lượng - mang tính thử nghiệm - nhằm tìm hiểu vấn đề trên, qua xử lý tư liệu ruộng đất làng Vạn Điểm vào đầu thế kỷ XIX.

*
* *

Làng Vạn Điểm (nay thuộc Thượng Tín, tỉnh Hà Tây) đầu thế kỷ XIX là xã *Vạn Điểm*, tổng *Vạn Điểm*, huyện *Phượng Phúc*, trấn *Sơn Nam Thượng*. Theo *Vạn Điểm xã địa bạ*⁽¹⁾ lập năm Gia Long thứ 4 (1805), xã này đông giáp đại hà, các xã Do Lễ, Bộ Đầu; tây giáp sông Kim Ngưu, đường thiên lý, các xã Tín An, Văn Tự; nam giáp sông Kim Ngưu, các xã Do Lễ, Hoàng Xá, Địa Mạn; bắc giáp các xã Bộ Đầu, Tín An. Tổng diện tích các loại của xã là 805 mẫu, 8 sào, 9 thước, 4 phân, 8 ly⁽²⁾ (không tính 55.7.9.8.2 đất ven sông đã bị lở bao gồm 46.6.5.7.2 tư điền và 9.1.4.1.0 công thổ). Số ruộng đất trên phân bố như sau (bảng 1):

Bảng 1: Phân bố các loại hình ruộng đất

| TT | Loại ruộng đất | Diện tích | Ty Lệ(%) |
|----|---------------------|--------------|----------|
| 1 | Công điền | 8.7.4.5.0 | 1,08 |
| 2 | Tư điền | 688.0.13.2.8 | 85,38 |
| 3 | Thần tử Phật tự | 1.8.12.3.0 | 0,27 |
| 4 | Công pha | 9.4.0.4.0 | 1,16 |
| 5 | Thổ trạch, viên tri | 97.7.9.0.0 | 12,13 |

Số công điền, thần tử Phật tự, công pha trên được đem chia đều cho các xã dân canh tác (đồng quân phân). Còn lại, số tư điền phân bố ở 111 chủ sở hữu, trong đó 96 chủ là người bản xã, 15 chủ là người xã khác xâm (hay phụ) canh. Ở đây chúng ta chỉ xét đến các trường hợp là người bản xã.

1. Quy mô sở hữu phân bố theo đơn vị dòng họ (bảng 2)

96 chủ sở hữu người bản xã chiếm giữ số lượng ruộng đất là 608.2.5.1.4 phân bố ở 16 dòng họ. Ở bảng 2 chúng tôi xếp thứ tự các dòng họ theo tổng diện tích ruộng đất mà các dòng họ đó chiếm giữ từ lớn đến nhỏ.

Trong trường hợp các số liệu thống kê là một tập hợp đám đông, việc phân tích bằng quan sát thông thường vừa khó khăn vừa dễ nhầm lẫn, chúng ta thử áp dụng một số thuật toán - là các thủ pháp thông dụng trong phân tích thống kê định lượng.

Một vấn đề đặt ra khi quan sát bảng 2 là có mối quan hệ như thế nào giữa các đại lượng: tổng diện tích ruộng đất một dòng họ chiếm giữ với quy mô sở hữu trung bình, số chủ, diện tích trung bình một thửa ruộng và số thửa. Áp dụng phương pháp tìm mối liên hệ xác định hệ số tương quan giữa các đại lượng trên cho kết quả như sau:

Hệ số tương quan (kí hiệu ρ - đọc là rô) giữa tổng diện tích ruộng đất mà một dòng họ chiếm giữ với quy mô sở hữu trung bình của dòng họ đó bằng 0(3). Như vậy giữa hai đại lượng trên hoàn toàn không có mối quan hệ quy luật nào cả. Nhận xét thứ nhất được rút ra ở đây là, *một dòng họ lớn (xét về tổng diện tích ruộng đất mà dòng họ đó chiếm giữ) không có nghĩa là một dòng họ giàu.*

Bảng 2: Quy mô sở hữu phân bố theo dòng họ

| TT | Tên họ | Tổng diện tích | Chủ sở hữu | | Thừa ruộng | |
|----|-----------|----------------|------------|-----------------|------------|--------------------|
| | | | Số chủ | Sở hữu TB (mẫu) | Số thửa | Diện tích TB (mẫu) |
| 1 | Nguyễn 1 | 94.2.5.0.0 | 13 | 7,25 | 24 | 3,93 |
| 2 | Nguyễn 2 | 70.7.9.5.0 | 11 | 6,43 | 20 | 3,54 |
| 3 | Phạm | 66.0.2.8.4 | 12 | 5,50 | 18 | 3,66 |
| 4 | Nguyễn 3 | 59.1.0.7.0 | 10 | 5,91 | 17 | 3,47 |
| 5 | Nguyễn 4 | 43.8.8.4.0 | 8 | 5,48 | 12 | 3,65 |
| 6 | Trần | 38.2.2.3.0 | 6 | 6,36 | 12 | 3,18 |
| 7 | Nguyễn 5 | 34.4.7.8.0 | 5 | 6,89 | 9 | 3,83 |
| 8 | Nguyễn 6 | 28.1.0.0.0 | 4 | 7,02 | 5 | 5,62 |
| 9 | Phùng | 25.0.3.0.0 | 3 | 8,33 | 6 | 4,16 |
| 10 | Hoàng | 23.6.11.0.0 | 3 | 7,89 | 6 | 3,95 |
| 11 | Nguyễn 7 | 22.7.1.1.0 | 3 | 7,56 | 6 | 3,78 |
| 12 | Nguyễn 8 | 21.2.0.8.0 | 2 | 10,60 | 5 | 4,24 |
| 13 | Nguyễn 9 | 20.3.0.0.0 | 3 | 6,76 | 6 | 3,38 |
| 14 | Nguyễn 10 | 20.2.12.7.0 | 6 | 3,37 | 7 | 2,89 |
| 15 | Nguyễn 11 | 20.1.0.0.0 | 4 | 5,02 | 6 | 3,35 |
| 16 | Đào | 20.0.0.0.0 | 3 | 6,66 | 5 | 4,00 |
| | | 608.2.5.1.4 | 96 | | 164 | |

Hệ số tương quan giữa tổng diện tích ruộng đất của một dòng họ với diện tích trung bình một thửa ruộng của dòng họ đó là 0,04. Chỉ số này cho thấy mối quan hệ giữa hai đại lượng trên là quá yếu.

Nhận xét thứ hai được rút ra ở đây là quy mô ruộng đất của một dòng họ không tỷ lệ thuận với sự tập trung ruộng đất, tình chất manh mún của ruộng đất vẫn thể hiện trong các dòng họ có quy mô sở hữu lớn.

Trong khi đó hệ số tương quan giữa tổng diện tích ruộng đất của một dòng họ với tổng số chủ và tổng số thửa ruộng lại đạt đến 0,84 và 0,89. Kết quả này cho thấy mối liên hệ giữa các đại lượng trên hết sức chặt chẽ (quan hệ tỷ lệ thuận). Điều đó, một lần nữa góp phần chứng minh hai nhận xét vừa được rút ra ở trên.

Trong làng xã người Việt xưa, do xuất phát từ nhiều nguyên nhân: chính trị và kinh tế - xã hội khác nhau đã hình thành nên những dòng họ có thế lực. Có rất nhiều nhân tố để tạo nên thế lực của một dòng họ, trong đó tài sản (mà chủ yếu là ruộng đất) có một

ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Tuy nhiên, các phân tích thống kê ở trên cho thấy những dòng họ được coi là lớn mới chủ yếu thể hiện ở thế lực kinh tế cộng đồng được tạo nên bởi những cá nhân có mặt bằng sở hữu chưa hẳn đã là lớn. Kết luận này có thể chỉ áp dụng với làng Vạn Điểm, không hẳn đã có ý nghĩa khái quát vì chúng ta chưa có điều kiện khảo sát trên diện rộng.

2. Chất lượng ruộng đất phân bố theo đơn vị dòng họ (bảng số 3)

Việc phân loại ruộng đất trước đây căn cứ vào thời vụ gieo trồng: ruộng canh tác một vụ, và ruộng canh tác hai vụ, và đẳng hạng ruộng: ruộng nhất đẳng, nhị đẳng và tam

đẳng. Tuy nhiên, việc đánh thuế của nhà nước chỉ căn cứ vào đẳng hạng ruộng nên dưới đây, chúng tôi cũng chỉ phân tích sự phân

Bảng 3: Chất lượng ruộng đất phân bố theo đơn vị dòng họ

| TT | Tên họ | Tỷ lệ các đẳng hạng ruộng (%) | | |
|----|-----------|-------------------------------|--------|--------|
| | | Hạng 1 | Hạng 2 | Hạng 3 |
| 1 | Nguyễn 1 | 4,2 | 20,8 | 75,0 |
| 2 | Nguyễn 2 | 10,5 | 63,2 | 26,3 |
| 3 | Phạm | 11,7 | 70,6 | 23,5 |
| 4 | Nguyễn 3 | 5,9 | 41,2 | 52,9 |
| 5 | Nguyễn 4 | - | 50,0 | 50,0 |
| 6 | Trần | - | 41,7 | 58,3 |
| 7 | Nguyễn 5 | 11,1 | 44,4 | 44,5 |
| 8 | Nguyễn 6 | 20,0 | 20,0 | 60,0 |
| 9 | Phùng | 16,6 | - | 83,4 |
| 10 | Hoàng | - | - | 100,0 |
| 11 | Nguyễn 7 | 33,3 | - | 66,7 |
| 12 | Nguyễn 8 | 20,0 | - | 80,0 |
| 13 | Nguyễn 9 | 16,6 | 33,3 | 50,1 |
| 14 | Nguyễn 10 | 85,7 | - | 14,3 |
| 15 | Nguyễn 11 | 33,3 | 33,3 | 33,3 |
| 16 | Đào | 20,0 | 20,0 | 60,0 |

bố theo tiêu chí này. Kết quả tính toán như sau:

Hệ số tương quan giữa tổng diện tích của một dòng họ với tỷ lệ ruộng hạng nhất mà dòng họ đó chiếm giữ là - 0,98, một mối quan hệ rất chặt chẽ nhưng là quan hệ tỷ lệ nghịch. Điều đó có ý nghĩa là: quy mô sở hữu của một dòng họ càng lớn thì tỷ lệ ruộng hạng nhất càng thấp và ngược lại.

Hệ số tương quan giữa tổng diện tích của các dòng họ với tỷ lệ ruộng hạng hai và ruộng hạng ba là 0,93 và 0,80, cũng là quan hệ chặt và là quan hệ tỷ lệ thuận, trong đó quan hệ với ruộng hạng hai chặt chẽ hơn ($\rho=0,93$). Như vậy, quy mô sở hữu của một dòng họ càng lớn thì tỷ lệ ruộng hạng hai càng cao và ngược lại.

Một vấn đề đặt ra là tại sao các dòng họ lớn lại không nắm nhiều ruộng hạng nhất, mà nắm giữ nhiều ruộng hạng hai? Hiện tượng này có thể giải thích được. Tuy là loại ruộng tốt nhưng ruộng hạng nhất luôn chịu mức thuế cao (gấp đôi ruộng hạng ba). Còn với ruộng hạng ba, tuy mức thuế chỉ bằng (3/4) ruộng hạng hai nhưng thực sự có sự chênh lệch lớn về chất lượng. Do đó, trên thực tế người ta chuộng ruộng hạng hai hơn bởi nó

vừa đảm bảo được chất lượng ở mức vừa phải và đặc biệt là chỉ phải chịu thuế ở mức trung bình (lệ thuế năm 1803 quy định các nội trấn Bắc Thành, tư điền hạng nhất 40 thăng/mẫu, hạng hai 30 thăng/mẫu và hạng ba 20 thăng/mẫu).(4)

Nhận xét được rút ra ở đây là quy mô sở hữu dòng họ đã có quan hệ nhất định trong việc nắm giữ loại ruộng đất có lợi nhất.

3. Phân bố địa lý của ruộng đất theo đơn vị dòng họ (bảng 4)

Ở bảng 4, ta thấy hiện tượng một dòng họ chiếm hữu một tỷ lệ lớn ruộng đất tập trung trên một xứ đồng là khá phổ biến. Rõ ràng, sự phân bố địa lý của các chủ sở hữu trên bình diện toàn xã không phải là hỗn độn mà có sự tập trung theo đơn vị dòng họ.

Dưới đây xin nêu một số trường hợp - là những thửa ruộng liên khoảnh của các chủ sở hữu trong cùng một dòng họ.

Xứ đồng II - họ Nguyễn 7: Nguyễn Hữu Tình - Nguyễn Hữu Thực

Xứ đồng IV - họ Nguyễn 3: Nguyễn Bá Tình - Nguyễn Bá Hào - Nguyễn Thị Tinh

Bảng 4 : Phân bố địa lý ruộng đất theo đơn vị dòng họ (5)

| TT | Tên họ | Số thửa ruộng | Phân bố trên các xứ đồng (đ.v thửa/xứ đồng) | | | | | | | | | | | | | | |
|----|-----------|---------------|---|----|-----|----|---|----|-----|------|----|---|----|-----|------|-----|----|
| | | | I | II | III | IV | V | VI | VII | VIII | IX | X | XI | XII | XIII | XIV | XV |
| 1 | Nguyễn 1 | 24 | | 1 | | 1 | 2 | 2 | 4 | 6 | 3 | 5 | | | | | |
| 2 | Nguyễn 2 | 20 | 1 | 3 | | 6 | 5 | 1 | | 2 | | | | 2 | | | |
| 3 | Phạm | 18 | 1 | 2 | | 5 | 4 | 3 | | | | | | 1 | | | |
| 4 | Nguyễn 3 | 17 | 3 | 1 | | 5 | 1 | 1 | 3 | | | | 2 | | 1 | | 1 |
| 5 | Nguyễn 4 | 12 | 4 | | | | 5 | 1 | | | | | 1 | | 1 | | |
| 6 | Trần | 12 | | | | 1 | 3 | 1 | 5 | 1 | 1 | | | | | | |
| 7 | Nguyễn 5 | 9 | 1 | 1 | | 2 | 1 | | | 2 | | | 1 | | 1 | | |
| 8 | Nguyễn 6 | 5 | | 1 | | 1 | | | | | | 1 | 2 | | | | |
| 9 | Phùng | 6 | | 1 | | | | | 2 | 3 | | | | | | | |
| 10 | Hoàng | 6 | | | | | | | 3 | 2 | | 1 | | | | | |
| 11 | Nguyễn 7 | 6 | | 2 | | | | | | 1 | 2 | 1 | | | | | |
| 12 | Nguyễn 8 | 5 | | 1 | | | | | | 1 | 2 | 1 | | | | | |
| 13 | Nguyễn 9 | 6 | 2 | 1 | | | 2 | | | | | 1 | | | | | |
| 14 | Nguyễn 10 | 7 | | 6 | | | | | 1 | | | | | | | | |
| 15 | Nguyễn 11 | 6 | | 2 | | 2 | | | | | | | 2 | | | | |
| 16 | Đào | 5 | | | 1 | | | 1 | | | 1 | | | 3 | | | |

Xứ đồng V - họ Nguyễn 4: Nguyễn Thị
Chước, Nguyễn Đắc Kim -
Nguyễn Đắc Ân

Xứ đồng V - họ Nguyễn 1: Nguyễn Đình
Thiện - Nguyễn Đình Tạo

Xứ đồng VII - họ Hoàng: Hoàng Kỳ Tài -
Hoàng Thắng Nguyên

Xứ đồng VII - họ Trần: Trần Trác Câu -
Trần Trác Lao - Trần Trác Vận

Sự lập lại thường xuyên với tần số cao hiện tượng trên cho phép nhận định, đó chính là kết quả của việc phân chia tài sản của bố mẹ cho con cái, một biểu hiện từ tập chung đến phân tán ruộng đất. Con đường phát triển luân quản của chế độ ruộng đất ở Việt Nam, một trong những nguyên nhân chính là xuất phát từ những cản trở như vậy của quan hệ huyết tộc.

4. Quan hệ sở hữu trong các dòng họ

Dưới đây chúng tôi phân tích vấn đề này qua ba dòng họ có quy mô sở hữu lớn nhất: họ Nguyễn 1, Nguyễn 2 và Phạm.

Bảng 5: Các chỉ số định mức thống kê⁽⁶⁾

| T | Tên họ | Các chỉ số định mức | | | Hệ số biến thiên (%) |
|---|----------|--|-----------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------|
| | | \bar{x} (chỉ số trung bình) | M_e (chỉ số trung tâm) | M_o (chỉ số đặc trưng) | |
| 1 | Nguyễn 1 | 7,25 | 7,37 | 6,50 | 45,8 |
| 2 | Nguyễn 2 | 6,43 | 6,65 | 6,50 | 26,0 |
| 3 | Phạm | 5,50 | 7,90 | 6,50 | 39,0 |
| | Toàn xã | 6,49 | 6,60 | 6,50 | 49,2 |

Quan sát Bảng 5 ta thấy chênh lệch giữa các chỉ số định mức sở hữu của các dòng họ không lớn. Điều đó có nghĩa là *phân hóa ruộng đất trong nội bộ các dòng họ yếu*.

Xem xét hệ số biến thiên ở cả ba dòng họ đều ở mức dưới 50%. Như thế, dao động trong kết cấu sở hữu của các dòng họ không mạnh mẽ, *xu hướng tập trung ruộng đất không được thể hiện một cách rõ nét*.

Nếu so sánh với toàn xã thì mức dao động

trong kết cấu sở hữu của các dòng họ trên thấp hơn. *Quan hệ dòng họ - như vậy - rõ ràng đã có một ảnh hưởng nhất định cản trở quá trình phân hóa và tập trung ruộng đất ở đây.*

*
* * *

Từ tư liệu và phân tích trên cho phép nêu một số nhận xét tổng quát:

1. Cho đến đầu thế kỷ XIX quá trình tư hữu hóa ruộng đất ở xã Vạn Điểm đã diễn ra khá triệt để. Điều này thể hiện ở số lượng áp đảo ruộng đất thuộc sở hữu tư nhân, trong khi sở hữu công cộng đã bị thu hẹp lại rất nhiều.

2. Tuy nhiên, sự phát triển của các quan hệ tư hữu lại mới chỉ diễn ra ở trình độ thấp. Quá trình phân hóa và tập trung ruộng đất chưa rõ nét. Trong số các nguyên nhân tạo nên tình hình trên, quan hệ dòng họ - được thể hiện về mặt sở hữu như trên đã phân tích - là một nguyên nhân cực kỳ quan trọng. Nếu nhận định này không mâu thuẫn với tài liệu ruộng đất của các làng xã khác thì rõ ràng quan hệ dòng họ là một nhân tố cản trở quá trình phát triển của chế độ tư hữu ruộng đất, cản trở quá trình phát triển của các quan hệ kinh tế - giai cấp ở Việt Nam.

CHÚ THÍCH

- (1) *Vạn Điểm xã địa bạ*, lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán - Nôm, ký hiệu AG a1/87.
- (2) Hệ thống đơn vị tính đơn vị diện tích xưa gồm mẫu, sào, thước, tấc, phân, ly ... Ở đây viết tắt, thí dụ 805.8.9.4.8 tức là 805 mẫu 8 sào 9 thước 4 tấc 8 phân.
- (3) Kết quả tính hệ số tương quan cho biết mối quan hệ giữa hai đại lượng là chặt hay không chặt phụ thuộc vào độ lớn giá trị tuyệt đối của ρ ($|\rho| \leq 1$). Trường hợp $\rho = 0$ là cực kỳ hiếm hoi và hoàn toàn ngẫu nhiên.
- (4) *Đại Nam thực lục chính biên*, NXB Sử học, Hà Nội, 1963, tr.110-111.
- (5) Ở bảng 4 chúng tôi ký hiệu các xứ đồng theo thứ tự các chữ số La Mã.
- (6) Các chỉ số định mức thống kê (áp dụng trong trường hợp trên)
 \bar{x} : Chỉ số sở hữu trung bình
 M_e : Chỉ số sở hữu trung tâm (Median)
 M_o : Chỉ số sở hữu đặc trưng